TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HS-PT
Ngày: 16 – 8 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Ông **Bùi Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phái** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Quan Tuấn Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 62/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn L do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn L; bị hại ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Tú N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị cáo có kháng cáo*: **Trần Văn L**, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1969 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 03 con; tiền án; tiền sự: không. (*Có mặt*)

- *Bị hại có kháng cáo:*

1. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1978; ĐKHKTT: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chổ ở hiện nay: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà **Trần Tú N**, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Có mặt*)

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Đ, bà N:* ông **Phan Trọng N**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: số 75/29/7, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 10 phút ngày 21 tháng 5 năm 2022, bà Đỗ Thị M (vợ bị cáo) có dắt chó nuôi của gia đình đi ra lộ nông thôn trước nhà vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Tú N ngụ ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu để cho chó đi vệ sinh.

Khi chó nhà bà M đi vệ sinh tại vị trí trên, chó nuôi của gia đình ông Đ và bà N cũng sủa liên tục dẫn đến bà N, ông Đ có xảy ra cự cãi với bà M, bị cáo và Trần Huỳnh Đ (là con của bị cáo). Trong lúc cãi nhau, bị cáo có đi vào khu vực hàng ba nhà của ông Đ. Tại hàng ba nhà ông Đ, bị cáo có dùng tay đấm 01 cái trúng vào mặt ông Đ, bà N đứng sau lưng Đèo dùng 02 tay cầm nhiều chai nước ngọt thủy tinh Number One (bên trong có nước ngọt) ném về phía bị cáo nhưng không gây ra thương tích. Bị cáo dùng chân đạp 01 cái trúng vào bụng Đ và dùng tay cầm 01 chai nước ngọt thủy tinh Number One (bên trong có nước ngọt) lấy tại hàng ba nhà ông Đ đưa lên nhá đánh ông Đ.

Lúc này Đức có đi đến can ngăn không cho bị cáo đánh ông Đ nên bị cáo đi ra khỏi hàng ba nhà ông Đ, Đức còn ở lại và đi đến đè bà N xuống nền nhà để không cho bà N ném chai nước ngọt nữa. Nguyễn Hữu T (là con của vợ chồng ông Đ) nhìn thấy đi đến dùng chân đạp 01 cái trúng vào lưng của Đ, Đ và T sau đó đánh nhau qua lại bằng tay, không ai bị thương tích.

Thấy vậy, bị cáo từ ngoài lộ tay cầm 01 chai nước ngọt thủy tinh Number One (bên trong có nước ngọt) đi vào hàng ba nhà ông Đ, bị cáo dùng chai nước ngọt thủy

tinh Number One trên đánh 01 cái trúng vào vùng đầu của bà N làm chai bị bể và tiếp tục dùng chai nước ngọt thủy tinh Number One khác đánh 01 cái trúng vào vùng đầu của ông Đ nhưng chai không bị bể.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 103/TgT ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu, kết luận Nguyễn Văn Đ tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%, vật gây thương tích do vật tầy.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 102/TgT ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu, kết luận Trần Tú N tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10%, vật gây thương tích là vật tầy và vật sắc.

Tại Bản kết luận giám định số: 4800/KL-KTHS ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: "Chai nước ngọt bằng thủy tinh nhãn hiệu Number One (bên trong có nước ngọt) là mẫu so sánh được gửi giám định khi sử dụng tác động trực tiếp lên cơ thể người gây thương tích và tổn hại đến sức khỏe con người là hung khí nguy hiểm".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, x khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 13.839.742đ.

Buộc bị cáo Trần Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Tú N số tiền 22.222.581đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 5 năm 2023 bị cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm và xác định bị cáo không phạm tội; ngày 30 tháng 5 năm 2023 bị hại ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Tú N kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo với lý do gây thương tích cho 02 người và có tính chất côn đồ và yêu cầu tăng mức bồi thường, trong đó bị hại Đ yêu cầu bồi thường 79.389.742đ và bà N yêu cầu bồi thường 122.191.587đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận hai thương tích của bị hại là do bị cáo dùng chai nước ngọt thủy tinh Number One gây ra; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm vụ án như sau:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo nộp bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Từ việc chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo dẫn đến không chấp nhận của các bị hại về việc tăng hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: tại bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các các quy định về bồi thường thiệt hại cho bị hại nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị tăng mức bồi thường cho bị hại.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một kháng cáo của bị cáo và sửa bản án hình sự sơ thẩm về việc giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận thương tích của các bị hại là do bị cáo đã có hành vi dùng chai nước ngọt thủy tinh Number One gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho hai người, trong đó bà N là 10% và ông Đ là 02% nên cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Cố ý cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Bị hại cho rằng cần áp dụng tình tiết phạm tội có tính côn đồ và gây thương tích cho hai người để tăng hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại đã có mâu thuẫn từ trước, vào ngày 21 tháng 5 năm 2022 trước khi gây ra thương tích thì hai bên vẫn có nhiều mâu thuẫn, xô xát với nhau, trong đó có việc bị hại có hành vi dùng chai nước ngọt ném về phía bị cáo, cùng với một chuỗi hành vi mâu thuẫn, xô xát lẫn nhau nên đã dẫn đến việc gây thương tích nên việc cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra việc bị cáo gây thương tích cho hai người là thực tế, việc gây thương tích cho hai người không đủ thương tích để làm tình tiết định khung hình phạt và cũng không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhưng khi xét xử sơ thẩm thì cấp sơ thẩm cũng xác định hai bị hại và khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm cũng đã nhận định để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Với tỷ lệ thương tích của hai bị hại là 12%, tại cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là con của liệt sĩ, theo quy định tại điểm i, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, để tuyên phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ mới như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại (10.000.000đ) nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề xuất của Đại diện Viện kiểm sát, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: tại cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các khoản bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo bồi

thường cho ông Trần Văn Đ số tiền 13.839.742đ và bà Trần Tú N số tiền 22.222.581đ. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại không cung cấp chứng từ mới về bồi thường nên không chấp nhận yêu cầu các bị hại về việc tăng mức bồi thường, mà chấp nhận đề xuất của Đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên để đảm bảo thi hành án đối với số tiền buộc phải bồi thường, Hội đồng xét xử làm tròn số theo quy định trên 5 và dưới 5, cụ thể số tiền bồi thường cho ông Trần Văn Đ số tiền 13.840.000đ và bà Trần Tú N số tiền 22.223.000đ.

Trong đó, bị cáo đã nộp bồi thường là 10.000.000đ nên ông Đ sẽ được nhận 3.500.000đ và bà N được nhận 6.500.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Đồng thời, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho ông Đ số tiền 10.340.000đ và bà N số tiền 15.723.000đ.

Trường hợp bị hại tiếp tục điều trị hoặc thẩm mỹ vết thương do bị cáo gây ra, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Trần Văn L**.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Trần Văn Đ và bà Trần Tú N

1. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn L** phạm tội "***Cố ý gây thương tích***".

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Văn L** 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự;

- Bị cáo Trần Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 13.840.000đ, trong đó:

+ Ông Nguyễn Văn Đ được nhận số tiền 3.500.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;

+ Buộc bị cáo Trần Văn L tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là cho ông Nguyễn Văn Đ là 10.340.000đ.

- Bị cáo Trần Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Tú N số tiền 22.223.000đ, trong đó:

+ Bà Trần Tú N được nhận số tiền 6.500.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;

+ Buộc bị cáo Trần Văn L tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là cho bà Trần Tú N là 15.723.000đ.

4. Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi CQĐT, VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Giử nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tấn